

**Phụ lục 3**  
**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ,**  
**TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên TC/TCTP</b>	<b>Cách chấm điểm</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>
1.	TCTP 1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm kịp thời	<p>- Yêu cầu:</p> <p>Thời gian ban hành: trước 15/01 của năm kế hoạch.</p> <p>- Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng thời gian ban hành nêu trên thì điểm đánh giá là 0,5; ban hành không kịp thời thì điểm đánh giá là 0,25; không ban hành thì điểm đánh giá là 0.</p>	Kế hoạch CCHC năm
2.	1.1.2. Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực phù hợp với kế hoạch CCHC của tỉnh, sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí triển khai	<p>- Yêu cầu:</p> <p>Nội dung kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định của Chính phủ; nhiệm vụ CCHC phù hợp với kế hoạch của tỉnh, của đơn vị cấp huyện và sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị; kế hoạch thể hiện rõ việc bố trí kinh phí để triển khai thực hiện;</p> <p>- Nếu kế hoạch CCHC đáp ứng đầy đủ yêu cầu như trên thì điểm đánh giá là 1; không đáp ứng yêu cầu như trên thì điểm đánh giá là 0.</p>	Kế hoạch CCHC năm
3.	1.1.3. Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.5}{100} \right]</math></p> <p>- Hoàn thành từ dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là: 0</p>	Báo cáo CCHC hành chính năm; Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch CCHC năm.

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p><b><u>Ví dụ:</u></b>            Kế hoạch CCHC của xã A năm 2021 xác định 25 nhiệm vụ; hoàn thành 20/25 nhiệm vụ: <math>20/25 \times 100 = 80\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>[\frac{80 \times 1.5}{100}] = 1,2</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định, xã A đạt 1,2 điểm ở tiêu chí này.</p>	
4.	1.2. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định của UBND tỉnh, UBND cấp huyện hoặc văn bản hướng dẫn của từng Sở, ngành phụ trách lĩnh vực báo cáo.</li> <li>- Thời gian gửi báo cáo: theo hướng dẫn của UBND cấp huyện.</li> <li>- Nếu tất cả các loại báo cáo thực hiện đúng quy định về số lượng, nội dung và thời gian gửi như quy định thì điểm đánh giá là 3 điểm, cụ thể như sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đầy đủ về CCHC (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Báo cáo đầy đủ về thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Báo cáo đầy đủ về kiểm soát TTHC (04 BC) thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Báo cáo đầy đủ về kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Báo cáo số lượng, chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thì đánh giá là: 0,5</li> <li>- Các báo cáo khác theo yêu cầu của UBND cấp huyện thì đánh</li> </ul> </li> </ul>	Các báo cáo định kỳ theo từng lĩnh vực CCHC được UBND tỉnh, UBND cấp huyện, các sở, ngành, cơ quan quy định

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		giá là: 0,5 - Nếu loại báo cáo nào không đáp ứng đủ một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung, thời gian thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của loại báo cáo đó.	
5.	1.3.1. Kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Yêu cầu: + Cấp xã ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC năm của đơn vị. + Từng nhiệm vụ trong kế hoạch phải cụ thể, xác định rõ kết quả hoặc sản phẩm đầu ra, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Nếu trong năm ban hành kế hoạch (hoặc lồng ghép nội dung tuyên truyền CCHC trong kế hoạch CCHC) thì điểm đánh là 1; - Không có kế hoạch thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc Kế hoạch CCHC năm
6.	1.3.2. Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Hoàn thành từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$ - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là: 0. <b>Ví dụ:</b> Kế hoạch CCHC của xã B năm 2021 xác định 5 nhiệm vụ tuyên truyền; hoàn thành 4/5 nhiệm vụ: $4/5 \times 100 = 80\%$	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>Theo công thức trên ta có: <math>[\frac{80 \times 1.00}{100}] = 0,8</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định, xã B đạt 0,8 điểm ở tiêu chí này.</p>	
7.	1.3.3. Mức độ đa dạng trong tuyên truyền	<p>- Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của xã; (3) Tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình, thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM là 0,5.</p>	<p>- Các báo cáo CCHC định kỳ;</p> <p>- Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website;</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).</p>
8.	1.4.1. Có sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong năm	<p>- Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>+ Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong NỘI BỘ của cấp xã;</p> <p>+ Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của cấp xã.</p> <p>- Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là: 2; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC;</p> <p>- Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</p>
9.	1.4.2. Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng	<p>- Có thực hiện thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Không thực hiện thì điểm đánh giá là: 0</p>	Các văn bản của cấp xã chứng minh việc thực hiện.

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
10.	1.5. Thực hiện các nhiệm vụ được UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao	<p>- Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ thì đánh giá theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$ <p><b>Ví dụ:</b> Năm 2021, UBND huyện giao cho xã A 15 nhiệm vụ; hoàn thành 13 nhiệm vụ: <math>13/15 \times 100 = 86,66\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{86.66 \times 1.00}{100} \right] = 0,866</math></p> <p>Đối chiếu quy định xã A đạt 0,87 điểm ở tiêu chí này.</p>	<p>Báo cáo kết quả thực hiện; các sản phẩm (quy định, quyết định..)</p> <p>Báo cáo tổng hợp của UBND cấp huyện</p>
11.	1.6. Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH được giao	<p>Trong năm nếu hoàn thành 100% chỉ tiêu đạt và vượt thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>Hoàn thành dưới 100% chỉ tiêu đạt thì tính theo công thức:</p> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% chỉ tiêu hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$ <p><b>Ví dụ:</b> Năm 2021, UBND xã B hoàn thành 10/12 chỉ tiêu phát triển KTXH: <math>10/12 \times 100 = 83,33\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{83.33 \times 1.00}{100} \right] = 0,833</math></p> <p>Đối chiếu quy định xã A đạt 0,833 điểm ở tiêu chí này.</p>	<p>Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kinh tế xã hội hằng năm của cấp xã</p>
12.	2.1. Triển khai văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại địa phương	<p>- 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành được tổ chức triển khai thực hiện thì điểm đánh giá là: 2</p> <p>- Dưới 100 % Văn bản QPPL do Trung ương, tỉnh ban hành được tổ chức triển khai thực hiện thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>Báo cáo công tác tư pháp; Báo cáo kết quả theo dõi, thi hành pháp luật của cấp xã</p>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
13.	2.2.1. Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm UBND cấp xã có ban hành kế hoạch TDTHPL thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	Kế hoạch TDTHPL của UBND cấp xã
14.	2.2.2. Báo cáo công tác theo dõi, thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, đúng thời gian thì điểm đánh giá là: 0,5</li> <li>- Không báo cáo thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	Báo cáo kết quả TDTHPL định kỳ
15.	2.2.3. Thực hiện các hoạt động về theo dõi, thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nếu thực hiện đầy đủ các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>+ Thu thập thông tin về tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 0,25</li> <li>+ Kiểm tra tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 0,25</li> <li>+ Điều tra, khảo sát tình hình theo dõi, thi hành pháp luật: 0,5</li> <li>- Nếu không thực hiện thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả TDTHPL;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của HĐPBGDPL và Sở Tư pháp; UBND cấp huyện.</li> </ul>
16.	2.2.4. Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, cấp xã xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.</li> <li>- Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là: 1; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</li> <li>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của HĐPBGDPL và Sở Tư pháp, UBND cấp huyện</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
17.	2.3.1. Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL	Yêu cầu: Hàng năm, cấp xã ban hành kế hoạch và thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL theo yêu cầu của UBND cấp huyện. Nếu: - Trong năm có thực hiện thì điểm đánh giá là: 1 - Không thực hiện thì điểm đánh giá là: 0	Kế hoạch, báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát văn bản QPPL của địa phương;
18.	2.3.2. Xử lý văn bản QPPL qua kiểm tra, rà soát	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề/vụ việc đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề/vụ việc đã phát hiện qua kiểm tra. Nếu: - 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là: 1 - Không xử lý hoặc không kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là: 0	Các thông báo kết luận kiểm tra hoặc báo cáo kết quả kiểm tra
19.	3.1.1. Ban hành kế hoạch Kiểm soát TTHC của huyện, thị xã, thành phố theo quy định	- Ban hành kịp thời thì điểm đánh giá là 0,5 <sup>1</sup> ; - Ban hành không kịp thời thì điểm đánh giá là 0,25; - Không ban hành thì điểm đánh giá là 0.	Kế hoạch kiểm soát TTHC hàng năm
20.	3.1.2. Mức độ thực hiện kế hoạch	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - từ 80% đến 100% kế hoạch thì đánh giá theo công thức: $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100} \right]$ - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch thì điểm đánh giá là: 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của cấp xã; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện.

<sup>1</sup> Thời hạn: theo KH Kiểm soát TTHC của UBND cấp huyện

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p><b>Ví dụ:</b> Năm 2021, UBND xã A hoàn thành 20/27 nhiệm vụ theo kế hoạch: <math>20/27 \times 100 = 74,07\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{74,07 \times 1,00}{100} \right] = 0,74</math></p> <p>Đối chiếu quy định xã A đạt 0,74 điểm ở tiêu chí này.</p>	
21.	3.2.1. Công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	<p>Yêu cầu: UBND cấp xã phải công khai đầy đủ TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC (Tại bộ phận một cửa). Trong năm, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công khai đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0.5</li> <li>- Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</li> </ul>
22.	3.2.2. Công khai thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử đơn vị	<p>Yêu cầu đối với việc công khai TTHC là: Đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC); đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0.5</li> <li>- Dưới 100% đơn vị thực hiện thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ, Sở TTTT (do Sở Nội vụ, Sở TTTT cung cấp).</li> </ul>
23.	3.3.1. Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	<p>Thực hiện công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền thì đánh giá là: 1</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND</li> </ul>



TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.
24.	3.3.2. Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	<p>- Yêu cầu: Thống kê đầy đủ tất cả PAKN trong năm về TTHC do cấp xã tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng UBND tỉnh tiếp nhận, yêu cầu đơn vị giải quyết.</p> <p>- 100% số phản ánh, kiến nghị đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Dưới 100% thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số phản ánh kiến nghị được giải quyết} \times 0.50}{100} \right]</math> </p> <p><b>Ví dụ:</b> Năm 2021, xã A xử lý 3/5 PAKN: <math>3/5 \times 100 = 60\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{60 \times 0.50}{100} \right] = 0,3</math></p> <p>Đối chiếu quy định xã A đạt 0,3 điểm ở tiêu chí này.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</p>
25.	3.3.3. Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	<p>- 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai thì đánh giá là: 0,5;</p> <p>- Dưới 100% kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý được công khai thì đánh giá là: 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</p>
26.	3.4.1. Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một	<p>Thống kê số lượng TTHC đang thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <p>- Đạt tỷ lệ 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm hoặc BC công tác kiểm soát TTHC;</p>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	cửa	UBND cấp xã thì điểm đánh giá là: 1 - Dưới 100% số lượng TTHC thì điểm đánh giá là: 0	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.
27.	3.4.2. TTHC hoặc nhóm TTHC được thực hiện theo hình thức liên thông:	Yêu cầu: Thống kê tổng số TTHC đang thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông tại cấp xã. Nếu: - Có TTHC tại cấp xã đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông thì đánh giá là: 1. - Không có TTHC thực hiện liên thông thì đánh giá là: 0	- Danh mục TTHC đang thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông của cấp xã. - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.
28.	3.4.3. Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ TTHC	Yêu cầu thống kê: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận/Tổng số hồ sơ đã giải quyết trong năm của đơn vị. Nếu tỷ lệ đạt: - 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định (thành phần hồ sơ, phiếu hẹn...) thì điểm đánh giá là: 1 - Dưới 100% hồ sơ được tiếp nhận đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.
29.	3.5.1 Tỷ lệ TTHC được	Yêu cầu thống kê: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận/Tổng số hồ sơ đã	- Báo cáo công tác kiểm

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	giải quyết đúng hạn theo quy định	<p>giải quyết trong năm của cả cấp huyện và cấp xã (cụ thể số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn/quá hạn/chưa đến hạn). Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tỷ lệ 100% thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% thì tính theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC giải quyết đúng hạn} \times 1.00}{100} \right]</math> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Năm 2021, xã A có 1.372/1850 hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: <math>1.372/1850 \times 100 = 74,16\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{74.16 \times 1.00}{100} \right] = 0,74</math></p> <p>Đối chiếu quy định xã A đạt 0,74 điểm ở tiêu chí này.</p>	<p>soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</li> </ul>
30.	3.5.2. Công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính	<p>Yêu cầu đối với công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là: Đầy đủ.</p> <p>Nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu về công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 2, cụ thể cho từng nội dung công khai như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công khai tại trụ sở của UBND cấp xã: 0,5</li> <li>- Công khai trên trang thông tin điện tử của UBND cấp xã: 0,5</li> <li>- Công khai trên Cổng dịch vụ công của tỉnh: 1</li> <li>- Không công khai: 0</li> </ul> <p>Nếu nội dung nào trong 03 nội dung trên không đáp ứng được yêu cầu về công khai theo hướng dẫn trên thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của nội dung đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm.</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
31.	3.5.3. Số hóa kết quả giải quyết TTHC	<p>- Từ 80% đến 100% kết quả giải quyết TTHC được số hóa thì tính theo công thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% TTHC giải quyết được số hóa} \times 1.00}{100} \right]</math></p> <p><b>Ví dụ:</b> Xã A, trong năm có 20/25 kết quả được số hóa theo quy định, đạt tỉ lệ: <math>20/25 \times 100 = 80\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{80 \times 1.00}{100} \right] = 0,8</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định, xã A đạt 0,8 điểm ở tiêu chí này; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. - Dưới 80% thì đánh giá là: 0.</p>	
32.	3.6. Công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC	<p>Thống kê tổng số hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn. Trong đó, thống kê số hồ sơ trễ hạn đã được thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% hồ sơ trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được xin lỗi bằng văn bản thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC hoặc Báo cáo kiểm soát TTHC.</li> <li>- Những trường hợp để xảy ra trễ hạn nhưng lỗi không phải do cơ quan nhà nước thì phải có giải trình cụ thể từng trường hợp.</li> </ul>
33.	3.7. Thái độ phục vụ của cán bộ, công chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm không có công chức vi phạm, không có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Trong năm có đơn thư phản ánh về công chức gây phiền hà, sách nhiễu (đã qua xác minh) thì điểm đánh giá là 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện và</li> </ul>

<b>TT</b>	<b>Tên TC/TCTP</b>	<b>Cách chấm điểm</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>
			các cơ quan có thẩm quyền.
34.	3.8.1. Diện tích phòng làm việc của bộ phận một cửa	- Đảm bảo theo quy định thì điểm đánh giá là: 1 - Không đảm bảo theo quy định thì điểm đánh giá là: 0	- Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện.
35.	3.8.2. Trang thiết bị phòng làm việc bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã được trang bị đầy đủ	- Đầy đủ, đảm bảo theo quy định thì điểm đánh giá là: 1 - Không đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là: 0	- Báo cáo của đơn vị và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện.
36.	4.1.1. Thực hiện quy chế làm việc của UBND	- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là: 1 - Thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0	Báo cáo CCHC hàng năm; Tài liệu khác có liên quan.
37.	4.1.2. Kiểm điểm thực hiện Quy chế làm việc hàng năm	- Có báo cáo đánh giá kiểm điểm theo quy định thì điểm đánh giá là: 2 - Không báo cáo đánh giá kiểm điểm thì điểm đánh giá là: 0	Báo cáo CCHC hàng năm; Tài liệu khác có liên quan.
38.	4.1.3. Kết quả thực hiện Quy chế làm việc	- Trong năm không có CBCC vi phạm quy chế thì điểm đánh giá là: 2 - Có CBCC vi phạm thì điểm đánh giá là: 0	Báo cáo CCHC hàng năm; Tài liệu khác có liên quan.

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
39.	4.2. Thực hiện quy chế dân chủ và dân vận chính quyền ở đơn vị:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định quy chế dân chủ thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác dân vận chính quyền thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không thực hiện thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ; Báo cáo CCHC hàng năm; Tài liệu khác có liên quan.
40.	4.3. Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	- Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; Tài liệu khác có liên quan.
41.	4.4. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND cấp tỉnh, cấp huyện phân cấp cho UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đầy đủ các quy định thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không thực hiện đầy đủ các quy định thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</li> <li>- Tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
42.	5.1. Thực hiện cơ cấu cán bộ, công chức theo vị trí chức danh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.</li> <li>- Tài liệu khác có liên</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
			quan.
43.	5.2.1. Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	<p>Yêu cầu: Thống kê số lượng công chức cấp xã hiện có. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 100% số công chức đạt chuẩn thì tính theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CC đạt chuẩn} \times 2.00}{100} \right]</math> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Xã A có 7/8 công chức đạt chuẩn = 87,5%</p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{87.5 \times 2.00}{100} \right] = 1,75</math></p> <p>Đối chiếu theo trên xã A đạt 1,75 điểm ở tiêu chí này</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức;</li> <li>- Tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
44.	5.2.2. Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	<p>Yêu cầu: Thống kê số lượng cán bộ cấp xã hiện có. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 100% số cán bộ đạt chuẩn thì tính theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CC đạt chuẩn} \times 2.00}{100} \right]</math> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Xã A có 7/8 cán bộ đạt chuẩn = 87,5%</p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{87.5 \times 2.00}{100} \right] = 1,75</math></p> <p>Đối chiếu theo trên xã A đạt 1,75 điểm ở tiêu chí này</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức;</li> <li>- Tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
45.	5.3. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm có từ 70% số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trở lên thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 70% thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC được bồi dưỡng} \times 2.00}{70} \right]</math> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;</li> <li>- Tài liệu khác có liên</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p><b>Ví dụ:</b> Xã A có 15/21 cán bộ được bồi dưỡng trong năm = 71,42%</p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{71.42 \times 2.00}{100} \right] = 1,42</math></p> <p>Đối chiếu theo trên xã A đạt 1,42 điểm ở tiêu chí này</p>	quan.
46.	5.4.1. Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại công chức theo quy định:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức đúng quy định thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Không đúng quy định: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm hoặc Báo cáo đánh giá cán bộ, công chức;</li> <li>- Tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
47.	5.4.2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm nếu 100% cán bộ, công chức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 100% thì đánh giá theo công thức:  <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% CBCC hoàn thành} \times 2.00}{100} \right]</math> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Xã A có 19/21 cán bộ được bồi dưỡng trong năm = 90,47%</p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{90.47 \times 2.00}{100} \right] = 1,8</math></p> <p>Đối chiếu theo trên xã A đạt 1,8 điểm ở tiêu chí này</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại cán bộ công chức;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện.</li> </ul>
48.	5.4.3. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	<p>Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, công chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong năm không có cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Trong năm nếu có cán bộ, công chức, người hoạt động không</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo CCHC năm của huyện hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm</li> </ul>



TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		chuyên trách cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là: 0	tra của Sở Nội vụ, UBND cấp huyện.
49.	6.1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	<p>Yêu cầu: Cấp xã thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Nếu tỷ lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tỷ lệ giải ngân từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 90% thì đánh giá theo công thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2.00}{90} \right]</math></li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> trong năm xã A giải ngân được 3.5/5 nghìn tỷ = 70%</p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{70 \times 2.00}{90} \right] = 1,4</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định, xã A đạt 1,4 điểm ở tiêu chí này</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách hàng năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ul>
50.	6.1.2. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>Thống kê tổng số kiến nghị được Sở Tài chính, UBND cấp huyện, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại đơn vị trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2021 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2019, 2020). Thống kê số kiến nghị đã được thực hiện xong. Nếu tỷ lệ % số kiến nghị đã thực hiện xong đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số kiến nghị được thực hiện thì điểm đánh giá là: 2</li> <li>- Dưới 100% số kiến nghị được thực hiện thì đánh giá theo công</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 2 năm gần nhất;</li> <li>- Báo cáo về việc thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị.</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>thức: <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% kiến nghị đã thực hiện} \times 2.00}{100} \right]</math></p> <p><b>Ví dụ:</b> trong năm xã B đã thực hiện xong 8/9 kiến nghị = 88,9%</p> <p>Theo công thức trên ta có <math>\left[ \frac{88.9 \times 2.00}{100} \right] = 1,78</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định trên xã B đạt 1,78 điểm ở tiêu chí này</p>	<p>- Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính, UBND cấp huyện.</p>
51.	6.1.3. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước (NSNN)	<p>- Nếu không có sai phạm thì điểm đánh giá là: 2</p> <p>- Có sai phạm thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Các tài liệu, Báo cáo tài chính hàng năm.</p>
52.	6.2. Thực hiện công khai dự toán, quyết toán ngân sách và các hoạt động tài chính cấp xã	<p>- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Các tài liệu, Báo cáo tài chính hàng năm.</p>
53.	6.3. Công tác quản lý tài sản công	<p>- Thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Không đúng quy định thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Các tài liệu, Báo cáo tài chính hàng năm.</p>
54.	6.4. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị	<p>- Đã ban hành đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là: 2</p> <p>- Có ban hành nhưng chưa đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Chưa ban hành thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Quy chế của UBND;</p> <p>- Các văn bản giao tự chủ tài chính;</p> <p>- Các tài liệu, Báo cáo tài chính hàng năm.</p>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
55.	7.1.1. Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT đúng thời gian quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ban hành kế hoạch thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Không ban hành thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm
56.	7.1.2. Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã triển khai thực hiện thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Chưa thực hiện thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.</li> </ul>
57.	7.1.3. Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử (trừ văn bản không được gửi nhận qua môi trường mạng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu thống kê đầy đủ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số văn bản đến và đi trong năm;</li> <li>+ Tổng số văn bản đến và đi dưới dạng bản giấy;</li> <li>+ Tổng số văn bản đến và đi dương dạng điện tử;</li> </ul> </li> <li>- Tính tỷ lệ văn bản (văn bản đến và văn bản đi) dưới dạng điện tử được Lãnh đạo đơn vị giao cho các phòng, ban, đơn vị xử lý đúng quy trình trên phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% số văn bản được xử lý đúng quy trình trên phần mềm thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.</li> </ul>
58.	7.1.4. Tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử sử dụng chữ ký số (trừ văn	Thống kê số lượng văn bản trao đổi dưới dạng điện tử sử dụng chữ ký số trong năm. Nếu tỷ lệ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	bản không được gửi nhận qua môi trường mạng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt 100% số văn bản thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là: 0</li> </ul>	tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.
59.	7.2.1. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu thống kê đầy đủ:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3;</li> <li>+ Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3/Tổng số TTHC cung cấp mức độ 3;</li> <li>+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) của TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3;</li> <li>+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3;</li> </ul> </li> <li>- Tính tỷ lệ % giữa Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 so với Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) của TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3. Nếu tỷ lệ này đạt:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 75% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là: 1</li> <li>- Dưới 75% số hồ sơ TTHC thì đánh giá theo công thức:                   <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{75} \right]</math> </li> </ul> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Trong năm xã A có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 TTHC đang thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 3.</li> <li>- Trong năm đánh giá, chỉ 12/20 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</li> <li>- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) trong năm của 12 TTHC đó là 200 hồ sơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.</li> <li>- Tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 là 50 hồ sơ.</p> <p>Như vậy xã A có <math>50/200 \times 100 = 25\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>[\frac{25 \times 1.00}{75}] = 0,333</math></p> <p>Đổi chiếu theo quy định thì xã A đạt 0,34 điểm đối với tiêu chí này.</p>	
60.	7.2.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	<p>- Yêu cầu thống kê đầy đủ:</p> <p>+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4;</p> <p>+ Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4/Tổng số TTHC cung cấp mức độ 4;</p> <p>+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) của TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4;</p> <p>+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 4;</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 4 so với Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) của TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 50% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Dưới 50% số hồ sơ TTHC thì đánh giá theo công thức:</p> $[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{50}]$ <p><b>Ví dụ:</b> Trong năm xã B có:</p> <p>- 5 TTHC đang thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 4.</p>	<p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.</p> <p>- Tài liệu khác có liên quan.</p>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>- Trong năm đánh giá, chỉ 3/5 TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</p> <p>- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết (cả trực tiếp, qua BCCI và trực tuyến) trong năm của 3 TTHC đó là 30 hồ sơ.</p> <p>- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 4 là 5 hồ sơ.</p> <p>Như vậy xã B có <math>5/30 \times 100 = 16,7\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>[\frac{16.7 \times 1.00}{50}] = 0,334</math></p> <p>Đối chiếu theo quy định thì xã B đạt 0,34 điểm đối với tiêu chí này.</p>	
61.	7.3. Hoạt động của trang thông tin điện tử (TTĐT)	<p>- Cập nhật thường xuyên, đầy đủ thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Trang TTĐT không hoạt động hoặc không cập nhật đầy đủ thì điểm đánh giá là: 0</p>	<p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của UBND cấp huyện, Sở TTTT.</p>
62.	7.4.1. Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI;</p> <p>+ Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận hoặc trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI. Nếu tỷ lệ này đạt:</p>	<p>- Danh mục TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI.</p> <p>- Báo cáo kết quả ứng dụng CNTT hàng năm.</p>

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>- Từ 50% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá là: 1</p> <p>- Dưới 50% TTHC thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC} \times 1.00}{50} \right]</math></p> <p><b>Ví dụ:</b> Trong năm xã B có:</p> <p>- TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI: 30 TTHC.</p> <p>- Tổng số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI: 13 TTHC.</p> <p>Như vậy xã B có <math>13/30 \times 100 = 43,33\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{43.33 \times 1.00}{50} \right] = 0,866</math></p> <p>Theo quy định xã B đạt 0,87 điểm ở tiêu chí này.</p>	
63.	7.4.2. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã <b>tiếp nhận</b> qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là: 0,75</p>	- Báo cáo kết quả giải quyết TTHC (trong đó có thể hiện kết quả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI).

TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>- Dưới 15% số hồ sơ thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 0.75}{15} \right]</math></p> <p><b>Ví dụ:</b> Trong năm xã A có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ: 20 TTHC.</li> <li>- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của 20 TTHC nêu trên: 200 hồ sơ.</li> <li>- Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của 20 TTHC nêu trên: 25 hồ sơ.</li> </ul> <p>Như vậy xã A có <math>25/200 \times 100 = 12,5\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{12.5 \times 0.75}{15} \right] = 0,625</math></p> <p>Theo quy định xã A đạt 0,63 điểm ở tiêu chí này.</p>	
64.	7.4.3. Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu:</li> <li>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</li> <li>+ Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được <b>trả kết quả giải quyết</b> của các TTHC nêu trên (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác).</li> <li>+ Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</li> </ul> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả giải quyết TTHC (trong đó có thể hiện kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI).</li> </ul>



TT	Tên TC/TCTP	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
		<p>năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là: 0,75</li> <li>- Dưới 15% số hồ sơ thì đánh giá theo công thức:  <math display="block">\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 0,75}{15} \right]</math> </li> </ul> <p><b>Ví dụ:</b> Trong năm xã A có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ: 20 TTHC.</li> <li>- Tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của 20 TTHC nêu trên: 150 hồ sơ.</li> <li>- Tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của 20 TTHC nêu trên: 20 hồ sơ.</li> </ul> <p>Như vậy xã A có <math>20/150 \times 100 = 13,33\%</math></p> <p>Theo công thức trên ta có: <math>\left[ \frac{13,33 \times 0,75}{15} \right] = 0,67</math></p> <p>Theo quy định xã A đạt 0,67 điểm ở tiêu chí này.</p>	
65.	7.5.1. Thực hiện triển khai, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định hiện hành	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã công bố HTQLCL áp dụng tại đơn vị thì điểm đánh giá là: 2;</li> <li>- Chưa công bố HTQLCL áp dụng tại đơn vị thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định công bố áp dụng HTQLCL;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện ISO;</li> <li>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>

<b>TT</b>	<b>Tên TC/TCTP</b>	<b>Cách chấm điểm</b>	<b>Tài liệu kiểm chứng</b>
66.	7.5.2. Kết quả thực hiện duy trì, cải tiến HTQLCL hàng năm tại đơn vị:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được xếp loại tốt thì điểm đánh giá là: 2;</li> <li>- Được xếp loại đạt yêu cầu thì điểm đánh giá là: 1;</li> <li>- Được xếp loại chưa đạt yêu cầu thì điểm đánh giá là: 0.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện ISO;</li> <li>- Kết quả theo dõi của Sở Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>